

**Laiquangnam sao lục một tài liệu cũ về CBO**  
( : *Việt văn Độc Bản* , lớp đệ nhị Sách  
do Giáo sư Trần trong San và Giáo sư Đàm gia Thiều viết )\*

\*\*\*

**Laiquangnam nhường lại cho quý bạn suy ngẫm về suy nghĩ của các Thầy của  
chúng ta thời trước nhìn về tiền nhân**

**CAO BÁ QUÁT**

( ? - 1854)

Tiểu sử:

Ông hiệu là Chu Thần, người làng Phú Thi, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Ông xuất thân ở một gia đình khoa hoạn, từ đời Hậu Lê đã có người làm đến Bình bộ thượng thư kiêm chức tham tụng (thủ tướng). Ông thân sinh chỉ là một ông đồ, tuy có dùi mài kinh sử, nhưng gặp thời loạn cuối Lê nên không ứng thí. Ông là anh em sinh đôi với Cao Bá Đạt. Khi tập văn tại trường đốc học Bắc Ninh, hai anh em đã nổi tiếng văn hay, cả đất Bắc ai ai cũng thán phục. Theo lời truyền thuật, Cao Bá Quát có tính kiêu ngạo, ai ông cũng chê dốt. Năm Minh Mạng thứ 12 tức năm 1831, ông đỗ Á nguyên trường Hà Nội, nhưng về sau Bộ duyệt lại quyền của ông lại đánh tụt ông xuống cuối bảng. Ông có vào kinh thi Hội nhiều lần nhưng không đỗ. Theo tài liệu, ông không đỗ vì nhiều lý do: ông không thể tự gò bó trong khuôn khổ văn chương cử nghiệp, trong những luật lệ khắc khe của những trường thi (trường qui); tính ông ngông nghênh khinh thế ngạo vật, nên quan trường có ý bới lông tìm vết teong quyền thi của ông để đánh hỏng. Nhà nghèo, lại còn mẹ già, ông bực chí đi lang thang đây đó để trừu cợt thiên hạ. Mãi tới năm 1841, tức Thiệu Trị nguyên niên, quan tỉnh Bắc Ninh mới tâu về kinh tiến cử ông làm giám khảo trong một kỳ thi tại Thừa Thiên, ông dùng muối đèn sửa một số quyền thi văn hay mà phạm húy. Việc bại lộ, ông bị cách chức và đày đi Đà Nẵng. Hai năm sau, nhân có sứ bộ Đào tri Phú đi Tân gia ba, ông được phép đi theo để chuộc tội. Khi trở về, ông được phục chức rồi sau thăng lên chủ sự. Vì tính ông ngang tàng, hay dùng thơ văn để châm biếm mọi người, ông bị bọn triều thần coi như một cái gai trước mắt. Năm 1854, ông bị đày ra làm giáo thụ phủ Quốc Oai, thuộc tỉnh Sơn Tây. Chẳng bao lâu, không chịu nổi cảnh sống buồn tẻ và tủi nhục ở nơi hẻo lánh này, ông xin cáo về.

Theo Đại Nam chính biên thực lục, nhân có Lê Duy Cự tự nhận là dòng dõi nhà Lê nổi lên chống lại triều đình, ông tham gia chống loạn đảng để giải nỗi uất hận. Đám loạn quân đánh phá mấy hạt Sơn Tây, Bắc Ninh này được gọi là giặc châu châu”. Chẳng bao lâu Cao Bá Quát bị viên phó lãnh binh Sơn Tây vây bắt được. Ông bị tội tử hình. Hai cha con Cao Bá Đạt và Cao Bá Nhạ cũng bị vạ lây. Theo một giả thuyết khác, Cao Bá Quát không hề có sắp đặt cuộc khởi loạn như sử sách đã chép lại, ông chẳng qua chỉ là một người tài hoa lỗi lạc, uất ức vì không được trọng dụng; có áp ủ mộng lớn nhưng thiếu nghị lực vững bền nên việc chống đối các nhà đương đạo nếu có chỉ là bằng văn thơ, bằng lời nói ngông hoặc bằng những cử chỉ ngang tàng. Ông sở dĩ bị trị tội là do sự thù ghét của một số người âm mưu làm hại ông, trong đó có Nguyễn Bá Nghi, viên quan đẹp” giặc châu châu” (?).

Tác phẩm: Cao Bá Quát là một thiên tài, tính tình phóng khoáng, không chịu ép mình sống trong khuôn khổ như kẻ tầm thường. Vốn thanh cao lại đa sầu, đa cảm, ông thường ra mặt khinh bỉ những kẻ luồn cúi cầu vinh. Thuở thiếu thời, ông đã mang hoài bão lớn, muốn “ đeo vòng thư kiếm, quyết xây bạch ốc lại lâu đài”. Không mãn nguyện về đường khoa cử, ông sinh ra yếm thế, coi đời như một giấc mộng. Để tiêu sầu, khiến muộn, chỉ còn có rượu và thơ. Ông cũng ưa hưởng nhàn như các nhà nho khác nhưng

cái nhân của ông có đượm vẻ u sầu của một người bất đắc chí muốn đoạn tuyệt với cuộc đời. Thơ văn ông chan chứa một nỗi chán chường man mác, những tình tứ nhẹ nhàng, một tâm trạng lẩn lẩn như muốn phiêu diêu ngoại vật, hoặc bao hàm ý mỉa mai chua chát.

Thơ văn ông rất nhiều, chỉ tiếc rằng bị thất lạc gần hết vì người đương thời sợ liên lụy đã đem thiêu hủy. Hiện nay về chữ Hán còn lưu lại “Chu Thần Thi Tập”, trong đó có các bài diễn tả tâm sự như bài “Hoành sơn vọng hải ca” (Bài ca Đèo Ngang trông bể), và các bài thuộc loại xã hội như bài “Đạo phùng ngã phu” (Đi đường gặp người đói)....

Thơ văn của ông gồm có một số câu đối, phú và nhất là hát nói.

Các bài trích: Ta có thể tạm chia thơ văn của Cao Bá Quát làm ba loại:

A – Hoài bão thiếu thời.

B – Tư tưởng yếm thế.

C – Tình cảm.

## CÁC BÀI TRÍCH

### A. HOÀI BẢO THIẾU THỜI

#### Tài cử đa cùng phú<sup>1</sup>

1. Có một người: khổ dạng trâm anh<sup>2</sup>, nét na chương phủ<sup>3</sup>.
2. Hơi miệng sữa tuổi còn giọt máu, nét hào hoa chùng ná Tân, Dương<sup>4</sup>; chòm tóc xanh vừa chắm nằng vai, lời khí khái thì thâm Y, Phó<sup>5</sup>.
3. Nghiên gọn sóng vẽ vôi điển tịch<sup>6</sup>, nét nhận<sup>7</sup>, điếm lãn tẩn; Bút vén mây diu dặt văn chương, vòng thuyền<sup>8</sup> khuyên lỗ chỗ.
4. Nghiêng cánh nhận tếch mái rừng Nhan, Khổng<sup>9</sup>, chí xông pha nào quản chông gai: Cựa đuôi kinh toan vượt bể Trình, Chu<sup>10</sup>, tài bay nhảy ngại gì lao khổ.
5. Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước lại, chén tiếu đàm mời mọc Trích tiên<sup>11</sup>, Hống túi thơ nong hết gió trăng vào, cơn xướng họa hẹn hò Lão Đỗ<sup>12</sup>.
6. Tươi nét mặt thư sinh lồ lộ, bung mắt trần toan đập cửa phù đồ<sup>13</sup>; Rửa buồng gan du tử nhơn nhơn, giương tay tạo rắp xoay cơn khí số<sup>14</sup>.
7. Tương đến khi vinh hiển đã coi chùng; song nghĩ lại trần ai không rếch chỗ.
8. Lều nho nhỏ, kéo tấm gianh lướt thuốt, ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa; Đền cón con, co chiếc chiếu lôi thôi, đêm tịch mịch soi chung vùng trăng tỏ.
9. Áo Trọng Do<sup>15</sup> bạc thếch, giải xuân thu cho đượm sắc cần lao; Cơm phiếu mẫu<sup>16</sup> hẩm sì, đòi tuế nguyệt phải ngậm ngùi tân khổ.
10. Gió trắng rơi rụng để cái quỳên gầy; Sương tuyết hắt hiu làm con nhận võ.
11. Túi thanh bạch ngược xui miền khách địa, trăm nghìn đường chỉ rộn dật thừa mau; Đền toan hàn<sup>17</sup> thức nhấp mái nam song<sup>18</sup>, dăm ba ngọn lửa huỳnh<sup>19</sup> khêu nho nhỏ.
12. Miệng châu quế<sup>20</sup> những rì rầm học vấn, chị chú Tô<sup>21</sup> cẩn nhẫn chỉ vì nghèo; Vai tân sài<sup>22</sup> đủng đỉnh ngâm nga, vợ anh Mãi<sup>23</sup> bần khoản từng kể khó.
13. Đói rau rừng, thấy thốc Chu mà già, đá Thủ dương chom chớm, xanh mắt Di nằm tốt ngáy o o<sup>24</sup>; Khát nước sông, trông dòng đục không vợ, phao vịn thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho lụ khụ<sup>25</sup>.
14. Trông ra nhấp nhổ sóng nhân tình; Ngoảnh lại vất vợ mây thế có<sup>26</sup>.
15. Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi<sup>27</sup>, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn<sup>28</sup>. Quản bao kẻ mang cái giàm danh<sup>29</sup>, áo giới lân<sup>30</sup> trùm dưới cơ phu<sup>31</sup>, mời gói quỳ mòn sân tướng phủ<sup>32</sup>.

16. Khéo ứng thù những các quan trên; xin bái ngành cùng các phường phố.
17. Khét mùi thể vị<sup>33</sup> chẳng thà không; Thơm nức phương danh<sup>34</sup> nên mới khô.
18. Tình uốn éo muốn vạch gờ lên hỏi: nào kiếp Chử Đồng<sup>35</sup> đâu tá, nữ hoài chén ngọc<sup>36</sup> để trần ai? Trí lằng nhặng toan vượt bể đi tu, hỏi quê tiên tử<sup>37</sup> nơi mô, xin lĩnh lấy vân đan<sup>38</sup> làm tế độ<sup>39</sup>.
19. Bài phú Dương Hùng<sup>40</sup>, dù nghiệm tá, thì xin tống bản quỹ ra đến miền đông Hải, để ta đeo vòng thư kiếm<sup>41</sup>, quyết xây bạch ốc<sup>42</sup> lại lâu đài<sup>43</sup>; Câu văn Hàn Dũ<sup>44</sup> phỏng thiêng chấng, thì xin ông tống cùng thần<sup>45</sup> ra đến đất Côn Lôn<sup>46</sup>, để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm<sup>47</sup> sang cấm tú<sup>48</sup>.
20. Nhọc nhàn cơn nhục, mát cơn vinh; cay đắng lúc cùng, bùi lúc phú.
21. Vây có lời nôm dặn bảo thể gian rằng: đừng thấy người bạch diện thư sinh<sup>49</sup> mà cười rằng “đa cùng tài tử”.

**CHÚ THÍCH:** 1. Tài tử đa cùng phú: bài phú về người có tài mà gặp nhiều nỗi khốn quẫn, - 2. Trâm anh: chỉ nhà khoa hoạn, quyền quý (trâm là cái đũa gài tóc), anh là giải mũ: xưa thi đỗ Tiến sĩ trở lên thì được cài trâm đội mũ) – 3. Chương phủ: cần trọng biết giữ gìn đạo đức. Chương phủ là tên thứ nữ Khổng tử thường đội khi ở nước Lỗ. Nói chung Chương phủ là nữ của nhà nho. – 4. Tân Dương: Lạc tân vương và Dương Quýnh là hai trong bốn thi sĩ nổi danh đời Sơ Đường bên Tàu. – 5. Y, Phó: Y Doãn và Phó Duyệt là hai hiền thần đời nhà Thương. – 6. Điền tịch: sách vở. – 7. Nét chấm. – 8. Vòng khuyên. – 9. Nhan, Khổng: Nhan Hồi và Khổng Tử. Nhan Hồi là học trò giỏi của Khổng Tử. – 10. Trình, Chu: Trình Di và Chu Hi là hai bậc đại nho đời Tống. – 11. Trích tiên: tiên bị đày xuống trần. Đây chỉ nhà thơ Lý Bạch đời Đường. – 12. Lão Đỗ: tức Đỗ Phủ, một thi hào đời Đường cùng thời với Lý Bạch. Còn Tiểu Đỗ tức là Đỗ Mục, một thi sĩ đời Văn Đường. – 13. Phù Đồ: chùa tháp để thờ Phật. – 14. Khí số: cũng như vận số. – 15.: Trọng Do: học trò Khổng Tử, tên là Tử Lộ, có thể mặc áo bông rách đứng với người mặc áo bằng da dày mà không xấu hổ. Áo Trọng Do là áo rách, áo của kẻ hàn sĩ thanh cao. – 16. Hàn tín khi còn hàn vi đi câu ở sông Hoài, được bà lão giặt thuê là Phiêu mẫu cho cơm ăn, nên khi hiển đạt có đem ngàn lạng vàng đến tạ ơn. – 17. Toan hàn: khổ sở, nghèo khổ quá (toan: chua; hàn: rét). – 18. Nam Song: cửa sổ phía Nam. – 19. Huỳnh: con đom đóm. Ngày xưa Xa Dận nghèo phải đi bắt đom đóm lấy ánh sáng mà học. – 20. Châu, quế: ngọc, quế. Người ta thường nói “gạo châu, củi quế” trong thời buổi thực phẩm và vật dụng hiếm hoi, đắt đỏ. Đây ý nói: nghèo mà vẫn chịu khó học hành. Trong lúc nghèo nàn, coi gạo quý như châu, củi quý như quế mà vẫn rì rầm học vấn. – 21. Tô Tần: là một người có tài du thuyết ở thời Chiến quốc. Lúc còn hàn vi, chỉ đầu khinh bỉ không thổi cơm cho ăn. – 22. Tân sai: củi. – 23. Chu mĩ Thần nhà nghèo phải vừa gánh củi, vừa đọc sách. Vợ chàng thấy chồng nghèo khổ bỏ đi lấy chồng khác. – 24. Bá Di, người đời Thương, coi việc Chu Vũ Vương diệt Trụ là phi nghĩa, lên ở ẩn ở núi Thù Dương, ăn rau, chứ không chịu ăn thóc nhà Chu, sau nhịn đói chết. – 25. Lã Vọng tức Khương Tử Nha thường ngồi câu ở sông Vị, mãi đến năm 80 tuổi mới được vua Văn Vương nhà Chu biết tài đón mời ra lập nghiệp lớn. – 26. Thế cố: việc đời. – 27. Khóa lợi: bị cái lợi trói buộc, làm cho mất tự do. Do chữ lợi tỏa. – 28. Hầu môn: cửa nhà quan. – 29. Giàm danh: bị công danh ràng buộc, sai khiến. (giàm là dây buộc mõm ngựa, mõm trâu bò). Do chữ danh cương. – 30. Giới lân: áo giáp của quan võ làm bằng da loài có vẩy. – 31. Cơ phu: da thịt ( cơ: thịt dính xương; phu: thịt dính với da). – 32. Tướng phủ: dinh quan tể tướng. – 33. Thể vị: mùi đời. – 34. Phương danh: tiếng thơm. – 35. Chử Đồng Tử là một nhân vật trong thần thoại nước ta. Chử Đồng Tử nhà nghèo, không có mảnh vỏ che thân, thường phải nằm lấy cát phủ lên trên khi có người đi qua. Tình

cờ một hôm công chúa Tiên Dung vây màn tắm ngay chỗ chàng nấu mình. Hai người kết duyên vợ chồng rồi về sau cùng thành tiên. – 36. Công chúa Liễu Hạnh, một vị nữ thần nước ta, trước kia ở trên trời vì đánh vỡ chén ngọc phải đày xuống trần. – 37. Tiên tử: nàng tiên. – 38. Vân đan: thuốc tiên. – 39. Tế độ: cứu giúp. – 40. Dương Hùng Đồi Hán có viết bài phú “trục bản” (đuổi cái nghèo). – 41. Thư kiếm: sách và gươm. – 42. Bạch ốc: nhà nghèo hèn. – 43. Lâu đài: nhà giàu sang. – 44. Hàn Dũ: là một văn hào đời Đường, có bài phú “tổng cùng” (Đưa tiền cái khôn cùng). – 45. Cùng thân: thân khốn quẫn. – 46. Côn Lôn: tên một ngọn núi bên Tàu. – 47. Thanh khâm: áo xanh, tức là áo học trò. Ngày xưa học sinh bên Tàu mặc áo xanh. – 48. Cẩm tú: gấm vóc. Áo các quan may bằng gấm vóc. – 49. Bạch diện thư sinh: người học trò còn ít tuổi, chưa hiểu sự lý gì. (Người học trò mặt trắng).

## 2. Cuộc phong trần

Chẳng lưu lạc, dễ trải mùi trần thế;  
 Còn trần ai, khôn tỏ mặt công hầu.  
 Ngắt ngưỡng thay con Tào khéo cơ cầu <sup>1</sup>:  
 4. Muốn đại thụ <sup>2</sup> hấn đìm cho lúng túng.  
 Thân hệ bang gia chung hữu dụng.  
 Thiên sinh hào kiệt bất ưng hư <sup>3</sup>.  
 Hấn bèn lòng chó chút oán vu <sup>4</sup>:  
 8. Thời chí hĩ, ngư long biến hóa <sup>5</sup>.  
 Thôi đã biết cùng thông <sup>6</sup> là bệnh cả,  
 Cũng đừng đem hình dịch <sup>7</sup> lại cầu chi,  
 Hơn nhau cũng một chữ thì.

**CHÚ THÍCH:** 1. Cơ cầu: nhiều mưu cơ hiểm độc. – 2. Đại thụ: trau cho việc lớn. – 3. Hai câu 5,6: Thân mình có quan hệ đến nước nhà, tất sau phải có lúc dùng; Trời sinh ra người tài giỏi, không lẽ bỏ không. – 4. Oán vu: giận, trách. Do chữ oán thiên, vu nhân (giận trời, trách người). – 5. Câu 8: lúc thời vận đến, cá hóa thành rồng. – 6. Cùng thông: lúc vận cùng, lúc vận đạt. – 7. Hình dịch: (hình: thể chất bề ngoài; dịch: sai khiến). Lấy chữ trong bài “qui khứ lai tử” của Đào Tiềm đời Tấn: Dĩ tâm vi hình dịch” (Đem cái tâm cho cái hình sai khiến). Cả câu 10 là cũng đừng đem lòng mình cho thể chất sai khiến để cầu mong sự gì.

## B. TƯ TƯỞNG YÉM THÉ

### 1. Hội ngộ

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu <sup>1</sup>.  
 Khách giang hồ thường hợp thiểu, ly đa <sup>2</sup>.  
 Nay Bắc Nam xum họp một nhà,  
 4. Gồm đủ cả thắng cảnh <sup>3</sup>, lương thời <sup>4</sup>, thưởng tâm <sup>5</sup>, lạc sự  
 6.  
 Hào trúc ai ti dư túy hĩ,  
 Thê phong lãnh nguyệt dạ hà như <sup>7</sup>?  
 Thú nguyệt hoa là nợ sẵn với cầm thư <sup>8</sup>,  
 8. Cuộc thi tửu để riêng người phong nhã.  
 Quân bất kiến: hoa lạc, hoa khai, xuân khứ đã <sup>10</sup>?  
 Hãy chơi cho lẩn lóc đá kéo hoài,  
 Kìa kìa hải giác thiên nhai... <sup>11</sup>

**TIỂU DẪN:** Bài này làm trong bữa tiệc họp mặt các bạn bè, trước khi tác giả đi theo phái đoàn sang Tân gia ba.

**CHÚ THÍCH:** 1. Câu 1: Ở đời ít khi gặp lúc mở miệng cười Do thơ Đỗ Mục, một thi sĩ đời Đường. – 2. Hợp thiếu, ly đa: xum họp ít, chia ly nhiều. – 3. Thắng cảnh: cảnh đẹp. – 4. Lương thời: ngày lành tốt, trời trong sáng. – 5. Thương tâm: lòng vui vẻ. – 6. Lạc sự: việc vui. Người xưa gọi “ thắng cảnh, lương thời, thương tâm, lạc sự” là bốn điều hay ( Tứ mỹ). – 7. Hai câu 5,6: tiếng trúc kêu gào, tiếng tơ ai oán, ta say rồi; gió heo, trăng lạnh, đêm ra sao? – 8. Cầm thư: đàn và sách. – 9. Câu 9: Bạn chẳng thấy: hoa rụng, hoa nở, ấy là xuân đi? – 10. Hải giác thiên thai: góc biển, chân trời.

## 2. Cuộc đời thôi tiếc chi ai.

Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập<sup>1</sup>.  
Giá đã nên nhất cố khuynh thành<sup>2</sup>,  
Tiếc cho mình mà lại thương mình.  
4. Còn chen chúc với đời chi mãi tá!  
Ngã diệt tri phi, ninh tác ngã;  
Nhân vô bất thị, trử khan nhân<sup>3</sup>.  
Trường thị phi trót đã qua chân,  
8. Thôi đã biết chuyện đời là thế thế.  
Thoi thắm thoát bóng dâu đã xế,  
Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai,  
Cuộc đời thôi tiếc chi ai.

**TIỂU DẪN:** Ông Nguyễn Văn Khái, một vị hiền quan thời bấy giờ, có cưới một cô hầu là đào nương nổi tiếng ở tỉnh Bắc Ninh. Trong bữa tiệc do ông Khái mời, Cao Bá Quát làm bài này cho đào nương hát.

**CHÚ THÍCH:** 1. Câu 1: Phương Bắc có một giai nhân, đẹp nhất đời và đứng một mình. Câu này đứng trong một bài thơ của Lý Diên Niên đời Hán. – 2. Nhất cố khuynh thành: liếc một cái làm nghiêng thành. Do hai câu thơ trong bài của Lý Diên Niên, tiếp theo hai câu ở trên: “ Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc” ( Ngoảnh lại một cái, nghiêng thành người; ngoảnh lại cái nữa, đổ nước người ). – Bản khác:....nhất tiếu khuynh thành: cười một nụ cười làm nghiêng thành. – 3. Hai câu 5,6: ta cũng biết những điều trái của ta, nhưng thà ta cứ là ta. Người ta không ai không tự cho mình là phải; ta hãy đợi xem họ ra sao.

## 3. Ngán đời

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,  
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu<sup>1</sup>  
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu.  
4. Đem mộng sự<sup>2</sup> đọ với chân thân<sup>3</sup> thì cũng hết.  
Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt<sup>4</sup>.  
Kho trời chung mà vô tận của mình riêng.  
Cuộc vòng tròn phó mặc khuôn thiêng,  
8. Kẻ thành thị, kẻ vui miền lâm tảo<sup>5</sup>.  
Gõ nhịp lấy, đọc câu “ Tương tiến tử”<sup>6</sup>:  
“ Quân bất kiến: Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai,

Bôn lưu đảo hải bất phục hồi”<sup>7</sup>.  
Làm chi cho mệt một đời !

**CHÚ THÍCH:** 1. Câu 1,2: Việc đời lên xuống, bạn chẳng nên hỏi; trong chỗ khói sóng mù mịt, có chiếc thuyền của ông đánh cá. Hai câu này mượn trong thơ Đường. – 2. Mộng sự: việc trong mộng. – 3. Chân thân: cái chân thực. – 4. Câu 5: chỉ có gió mát ở trên sông, cùng trăng sáng trong khoảng núi (là kho vô tận của tạo hóa mà ta có thể hưởng cho thỏa thích). Câu này ở trong bài phú Tiền xích bích của Tô Đông Pha, một thi hào đời Tống. – 5. Lâm tảo: rừng và nội cỏ. – 6. Tương tiến tửu: “Sắp mời rượu”, tên một bài thơ của Lý Bạch. – 7. Câu 10: bạn chẳng thấy: nước sông Hoàng Hà từ trên trời xuống, chảy ra bể không quay trở lại. Câu này là hai câu đầu trong bài thơ Tương tiến của tửu của Lý Bạch, ý nói thời gian và tuổi xanh của người ta trôi qua rất nhanh không quay trở lại.

#### 4. Uống rượu tiêu sầu

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,  
Cảnh phù du<sup>1</sup> trông thấy cũng nực cười.  
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời  
4. Tiêu khiển một vài chung lếu láo.  
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,  
Trầm tư bách kế bất như nhàn<sup>2</sup>.  
Dưới thiều quang<sup>3</sup> thấp thoáng bóng Nam san<sup>4</sup>,  
8. Ngoảnh mặt lại cửu hoàn<sup>5</sup> coi cũng nhỏ.  
Khoảng trời đất: cổ kim, kim cổ,  
Mảnh hình hài: không có, có không.  
Lộ là thiên tứ, vạn chung<sup>6</sup>.

**CHÚ THÍCH:** 1. Phù du: con vờ, một thứ trùng nhỏ, sống dưới nước, mau chết lắm. – 2. Câu 5,6: Dứt hẳn cuộc đời chỉ có rượu; nghĩ ngợi trăm kế, không gì bằng nhàn. – 3. Thiều quang: ánh sáng đẹp mùa Xuân. – 4. Nam san: tức núi Chung Nam bên Tàu, nơi, nơi các ẩn sĩ thường tới ở. Thi sĩ Đào Tiềm đời Tấn có câu: “Thái cục dưới giậu phía Đông, xa xa thấy núi Nam san). Nhà thơ Mạnh Hạo Nhiên đời Đường có câu: “Bắc khuyết hưu thưởng thư, Nam san quy lệ tử” (Thôi chẳng dân thư lên Bắc khuyết, trở về nhà nát chốn Nam san) (Bắc khuyết chỉ nơi cung điện vua) – 5. Cửu hoàn: vũ trụ (chín cõi). – 6. Thiên tứ vạn chung: chỉ sự giàu sang. Nghìn cỗ xe bốn ngựa và vạn chung thóc; đó là bổng lộc mà các bậc cung hầu mà thời phong kiến được hưởng.

#### 5. Đời người thấm thoát

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ<sup>1</sup>.  
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày,  
Như thoi đưa, như bóng số, như gang tay,  
4. Sự nhớ chữ “Cổ nhân bình chúc”<sup>2</sup>,  
Cao sơn lưu thủy thi thiên trực,  
Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền<sup>3</sup>.  
Giang tay người tài tử, khách thuyền quyên,  
8. Chén rượu thánh, câu thơ thần thích chí.  
Thành thị ấy mà giang sơn ấy,  
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa<sup>4</sup>.

Bốn mùa xuân lại thu qua,  
12.Đời người thắm thoát như là con thoi.  
Cho hay của thế<sup>5</sup> người đời.

**CHÚ THÍCH:** 1. Câu 1: Người ta sống trong trời đất giống như người khách trọ trong quán bên đường. Do câu trong cổ vãn: “ Thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ, nhân sinh giả bách đại chi quá khách” (Trời đất là quán trọ của vạn vật; con người là khách đi qua của muôn đời). – 2.Cổ nhân bình chúc: người đời xưa cầm bó đuốc ( để đi chơi ban đêm). Do câu trong cổ vãn: “ Nhân sinh nhược mộng, vi hoan hỷ hà? Cổ nhân bình chúc dạ du, lương hữu di dã” ( Đời người như giấc mộng, vui chơi được bao? Người xưa cầm đuốc chơi đêm, thực có lý do vậy). – 4. Tuyết, nguyệt, phong, hoa: tuyết, trăng, gió, hoa. Những cảnh thiên nhiên. – 5. Thế: đời.

### C. TÌNH CẢM

#### 1. Hoài nhân<sup>1</sup>

Giai nhân nan tái đắc<sup>2</sup>  
Trót yêu hoa nên dan díu với tình.  
Mái tây hiên<sup>3</sup> nguyệt gác chênh chênh,  
4. Rầu rĩ lắm xuân về oanh nhớ!  
Phong lưu tài tử đa xuân tú,  
Trường đoạn tiêu nương nhất chi thư.<sup>4</sup>  
Nước sông Tương<sup>5</sup> một giải nông chờ,  
8. Cho kẻ đây, người đây mong mãi !  
Bút rút nhẽ, trăm đường nghìn nỗi !  
Chữ chung tình biết nói cùng ai?  
Trót vì gấn bó một hai...!

**CHÚ THÍCH:** 1. Hoài nhân: nhớ người. – 2. Câu 1: Khó lại gặp người đẹp. Câu này là câu cuối trong bài thơ của Lý Diên Niên đời Hán, bốn câu trên đã nhắc tới ở bài “ Cuộc đời thôi tiếc chi ai”, chú thích 1 và 2. – 3.Trong truyện Tây sương ký, chàng Trương quaán Thụy gặp nàng Thôi Oanh Oanh ở mái hiên phía Tây. – 4. Câu 5,6 : Người tài tử phong lưu có nhiều ý nghĩ về xuân, về tình: đau khổ vì một tờ thư của nàng. Đời Đường gọi người con gái là tiêu nương, người con trai là tiêu lang. Hai câu này của Đường Cự Nguyên nói về Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh (Tây Sương ký). – 5. Tên một con sông ở bên Tàu. Tình sử có câu: “ Quân tại Tương giang đầu, Thiếp tại Tương giang vĩ, Tương cố bất tương kiến, Đồng ảm tương giang thủy” ( Chàng tại đầu sông Tương, Thiếp cuối sông Tương, trông nhau mà chẳng thấy, cùng uống nước sông Tương).

### PHỤ LỤC

#### 1. Câu thơ diễu thi xã mặc vân<sup>1</sup>

Ngán thay cái mũi vô duyên,  
Câu thơ thi xã, con thuyền Nghệ An.<sup>2</sup>

**CHÚ THÍCH:** 1.Mặc Vân thi xã do Tùng Thiện công (sau được phong là Tùng Thiện vương) lập ra, gồm nhiều danh sĩ ở kinh đô như Tuy Lý công (sau được phong làm Tuy Lý vương), Hà Tôn Quyền, Phan Thanh Giản, Trương Đăng Quế...2. Nghệ An là tỉnh sản xuất nước mắm có tiếng.

## 2. Các câu đối làm trong thời kỳ dạy học tại Quốc Oai.

- a) Mô phạm dăm ba thằng mặt trắng,  
Đình chung <sup>1</sup> chiếc rưỡi cái lương vàng <sup>2</sup>.
- b) Trói chân kỳ ký <sup>3</sup> cho vào rọ;  
Rút ruột tang bông trả nợ con.
- c) Nhà trồng ba gian, một thầy, một cô, một chó cái;  
Học trò dăm đứa, nửa người, nửa gặm, nửa đười ươi.

**CHÚ THÍCH:** 1. Đình chung: giàu sang. ( Đình: cái vạc; chung: cái chuông). – Đòi xưa bên Tàu, những nhà giàu sang đông người phải nấu món ăn bằng cái vạc và đánh chuông lên để hội họp. – 2. Lương trả bằng thóc. – 3. Kỳ, ký: tên hai loại ngựa tốt, vì vôi bạch nhân tài xuất chúng.

## 3. Câu đối đề trên lá cờ nổi dậy (?)

Bình dương bồ bản vô Nghiêu, Thuấn;  
Mục dã Minh điều hữu Võ, Thang.

Nghĩa là:

Ở Bình Dương và Bồ bản không có vua Nghiêu, vua Thuấn;

Thì ở Mục dã và Minh điều phải có vua Võ, vua Thang.

**CHÚ THÍCH:** 1. Bình Dương là kinh đô của vua Nghiêu, ở tỉnh Sơn Tây bên Tàu. – 2. Bồ bản là kinh đô của vua Thuấn, cũng ở Sơn Tây. – 3. Nghiêu, Thuấn là hai vua hiền thời thượng cổ ở Trung Quốc. – 4. Mục dã ở tỉnh Hà Nam, là nơi vua Võ vương đánh đuổi đạo quân Trụ mà lập ra nhà Chu. – 5. Minh điều ở tỉnh Sơn Tây, là nơi vua Thang đánh đuổi bạo quân Kiệt mà lập ra nhà Thương. – 6. Võ, Thang là vua Võ Vương nhà Chu, và vua Thang nhà Thương.

## 4. Chí làm trai.

Trong bài trường thiên tiễn ông Nguyễn Trú Khê ra làm tri phủ Thường tín, tỉnh Hà Đông, Cao Chu Thuần viết: “ Làm trai ở trên đời, không biết đem can trường nghị lực mà giúp cho thế đạo cương thường, chịu bó tay nhìn bọn đương đạo làm càn, già đời lơ láo, làm nhục quê hương, cúi đầu khúm núm, ý khi tiêu mòn, rồi mà chết đi là nằm trong tay vợ, thời dầu thác xuống có gặp hai đấng thân cũng là mặt dày lòng tui, thần thăm ý thương, ngồi nghĩ nông nổi ấy mà đau lòng không biết bao nhiêu...

*Trích trong thơ cho bạn, của Phạm Quỳnh (1919)*

*Thượng Chi văn tập cuốn IV*

## 5. Đạo Phùng Ngã Chu

Vũ vũ thù gia tử  
Y phá lập bất hoàn  
Thúc tùng nam phương lai  
Hương ngã tiền đầu than  
Vấn tử hà sở ưu  
Tự vân trường gian nan  
Gia bản nghiệp y bóc  
Ngã lai tẩu Trường An



Trường An vô bệnh nhân  
Quần y như khâu san  
Linh đình vọng qui lộ  
Cực mục vân man man  
Nhị nhật diễn không khíp  
Tam nhật xuyên ung san  
Phùng nhân đản ngu hỉ  
Dục ngôn thanh lũ can  
Y tử thả hưu lệ  
Nhất quĩ dữ tử hoan  
Du du nghịch lữ trung  
Bách niên thùỵ tự khoan  
Mạn giã mạc xậu yết  
Bạo doanh phi tráng nhan

CAO BÁ QUÁT

**Dịch thơ:**

**Đường gặp người đói**

Một con người thất thiếu,  
Áo rách nón toi bời.  
Chợt từ phía Nam lại,  
Cùng ta năn nỉ lời.  
Ta hỏi: “ Bác buồn gì?”  
Thưa rằng : “ Tình cảnh tôi:  
“ Nhà nghèo làm thầy thuốc,  
“ Lên kinh mong cầu tài.  
“ Kinh đô chẳng ai óm,  
“ Thầy thuốc như núi đồi.  
“ Cùng kẻ phải quay về,  
“ Đường mây nghìn dặm khơi.  
“ Ngày hai cố chiếc tráp,  
“ Ngày ba nhịn đói dài.  
“ Gặp ai vẫn tươi tỉnh,  
“ Muốn nói nhưng nghẹn lời”.  
- “ Ôi thôi bác ngừng lệ,  
“ Cùng ta dùng bữa chơi.  
“ Trăm năm trong quán trọ,  
“ Ung dung náo mậy ai !  
“ Thong thả dùng vội nuốt,  
“ Chợt no dễ khốn người”.

*TRÚC KHÊ dịch.*

Laiquangnam sao lục từ sách giáo khoa thời trước 1975.

\**Việt văn Độc Bản* , lớp đệ nhị Sách do Giáo sư Trần trong San và Giáo sư Đàm gia Thiều viết . Trung tâm học liệu Bộ QGGD VNCH phát hành .1971

Chuỗi sách VVĐB là sách mẹ .Các Giáo sư Việt văn ai cũng có quyển này

Chương trình sách giáo khoa học sinh lớp đệ nhị ,các ban A,B,C ( tú tài I ,thời VNCH ) .Học sinh thì mua của các thầy khác ,g học để đi thi .